

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

12/27  
ĐIỂM  
ĐIỂM

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Liên doanh SANA WMT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đan Thanh	Chủ tịch
Ông Dương Viết Dũng	Thành viên
Ông Trần Văn Báu	Thành viên
Ông Lê Duy Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Huế	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Báu	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đan Thanh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Số: 098 /2016/BCSX-KTV/HN

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Liên doanh SANA WMT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/08/2016, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội****NGUYỄN NGỌC TỬ - Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-113-08  
HÀNH  
CÔNG TY  
LIÊN DOANH  
V. T. T  
VIỆ  
HÀ N

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.839.549.053</b>	<b>52.660.681.656</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.930.743.796</b>	<b>5.580.607.455</b>
1. Tiền	111	V.1	3.930.743.796	5.580.607.455
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.740.945.560</b>	<b>20.956.955.069</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.511.859.182	21.010.912.661
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.162.601.237	250.705.457
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	430.359.887	59.211.697
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(363.874.746)	(363.874.746)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>18.144.448.062</b>	<b>25.247.058.676</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	18.144.448.062	25.247.058.676
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.411.635</b>	<b>876.060.456</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	20.327.319	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.084.316	876.060.456
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.979.923.195</b>	<b>74.075.008.407</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.909.438.106</b>	<b>4.004.340.652</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.740.688.106	4.004.340.652
- Nguyên giá	222		10.640.367.084	10.640.367.084
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.899.678.978)	(6.636.026.432)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	168.750.000	-
- Nguyên giá	228		210.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.250.000)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>70.485.089</b>	<b>70.667.755</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	70.485.089	70.667.755
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>123.819.472.248</b>	<b>126.735.690.063</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Mẫu số B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.004.856.496</b>	<b>22.892.049.012</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.751.232.454</b>	<b>22.638.424.970</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	15.897.000.381	8.631.011.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.307.068	10.099.739.592
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	206.693.517	225.798.404
4. Phải trả người lao động	314		-	112.350.690
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	2.132.196.493	1.330.604.454
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	1.139.230.433	1.922.115.530
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		316.804.562	316.804.562
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>253.624.042</b>	<b>253.624.042</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	253.624.042	253.624.042
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.814.615.752</b>	<b>103.843.641.051</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>103.814.615.752</b>	<b>103.843.641.051</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		597.828.710	597.828.710
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.216.787.042	3.245.812.341
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.195.812.341	1.858.964.221
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.020.974.701	1.386.848.120
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>123.819.472.248</b>	<b>126.735.690.063</b>



Nguyễn Đan Thanh  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Ngày 05 tháng 08 năm 2016

Bùi Thị Kim Nhạn  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trinh  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		97.770.315.867	100.861.296.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.547.752	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	97.768.768.115	100.861.296.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.249.005.099	99.162.015.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.519.763.016	1.699.280.978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.659.288	1.491.388
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	97.123.003	125.263.811
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		87.073.204	111.722.874
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5a	387.590.069	150.802.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5b	574.924.483	647.633.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.463.784.749	777.073.080
11. Thu nhập khác	31		63.711.599	60.000.000
12. Chi phí khác	32		201.277.972	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(137.566.373)	60.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.326.218.376	837.073.080
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	305.243.675	184.156.078
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.020.974.701	652.917.002
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.8	102	65



Nguyễn Đan Thanh  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Ngày 05 tháng 08 năm 2016

  
 Bùi Thị Kim Ngân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Trinh  
 Người lập biểu


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.326.218.376	837.073.080
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		304.902.546	267.353.868
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.659.288)	(1.491.388)
- Chi phí lãi vay	06		87.073.204	111.722.874
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.714.534.838	1.214.658.434
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.030.014.351)	(12.578.051.962)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.102.610.614	1.919.643.591
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.250.280.804)	10.025.093.332
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(20.144.653)	21.969.123
- Tiền lãi vay đã trả	14		(87.073.204)	(111.722.874)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(209.270.290)	(230.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(91.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(779.637.850)	170.389.644
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(91.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.659.288	1.491.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(87.340.712)	1.491.388
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.861.493.266	1.508.675.785
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.644.378.363)	(1.896.863.294)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(782.885.097)	(388.187.509)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.649.863.659)	(216.306.477)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.580.607.455	1.424.580.322
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.930.743.796	1.208.273.845



Nguyễn Đan Thanh  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Ngày 05 tháng 08 năm 2016

  
 Bùi Thị Kim Nạn  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Trinh  
 Người lập biểu



**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Liên doanh SANA WMT là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500471991 ngày 23/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp, giấy phép thay đổi lần số 11 ngày 30/09/2015.

**Hoạt động chính**

Kinh doanh xăng dầu, đại lý kinh doanh xăng dầu; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Tái phế liệu; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất dầu thực vật; sản xuất, mua bán muối ăn, muối công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Sản xuất đồ gỗ, bàn ghế, da đệm; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Sản xuất băng vệ sinh; Sản xuất, buôn bán dầu gội đầu; Sản xuất kinh doanh các loại giấy vệ sinh, giấy ăn, bím trẻ em, bím y tế; Sản xuất các chất tẩy rửa, nước rửa bát, vệ sinh; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng siêu thị khép kín; Sản xuất mỹ phẩm, rượu, nước ngọt, nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; Sản xuất và gia công hàng may mặc; Mua bán đồ mỹ nghệ, gốm, sứ, máy tre đan; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế; Sản xuất và gia công các sản phẩm từ inox; Giao nhận hàng hóa; Buôn bán vật liệu xây dựng; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm; Buôn bán thương hiệu sản xuất, thương hiệu tiêu dùng.

Công ty có trụ sở chính và các chi nhánh tại các địa điểm sau:

<u>Trụ sở/ Chi nhánh</u>	<u>Địa điểm</u>
Trụ sở chính	Xóm Tiều - Đại Yên - Chương Mỹ - Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Liên doanh SANA WMT	12-16 - Khu Phố 5 - P.Tân Thới Nhất - Quận 12- TP HCM

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.  
Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

*Nợ phải thu quá hạn thanh toán:*

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

*Nợ phải thu khác:*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

**5. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện là Phần mềm kế toán và Phim Quảng cáo.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05
Phim quảng cáo	02

**6. Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty

**8. Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí xuất dùng bao bì luân chuyển được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**10. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**14. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Tiền mặt	3.855.617.295	2.678.002.041
- Tiền gửi ngân hàng	75.126.501	2.902.605.414
<b>Cộng</b>	<u>3.930.743.796</u>	<u>5.580.607.455</u>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty TNHH TM Hoàng Thu	7.197.389.034	4.541.427.594
- Các khách hàng khác	18.314.470.148	16.469.485.067
<b>Cộng</b>	<u>25.511.859.182</u>	<u>21.010.912.661</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**3. Các khoản phải thu khác**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	430.200.000	-	-	-
- Phải thu khác	159.887	-	59.211.697	-
<b>Cộng</b>	<b>430.359.887</b>	<b>-</b>	<b>59.211.697</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia (1)	10.000.000.000	-	10.001.000.000	-
- Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong (2)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần kỹ nghệ Việt Nga (3)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM Sana (4)	30.000.000.000	-	29.999.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>-</b>

- (1) Góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần liên doanh SANA WMT và Công ty CP Hoàng Gia ký ngày 26/04/2013 để cùng tham gia dự án Thăm dò khai thác và chế biến Quặng Mangan tại Minh Quang, Huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.
- Bên nhận góp vốn: Công ty Cổ phần Hoàng Gia
  - Địa chỉ: Số 69/32 ngõ 76 An Dương, P.Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội
  - Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 150.000.000.000 VND
  - Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT góp 33,3% tương đương với 50.000.000.000 VND
  - Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành thoái vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 19/2015/NQ-ĐHĐCĐ-ASA ngày 22/04/2015 và Quyết định của Hội đồng quản trị số 35/2015/QĐ-ASA ngày 10/07/2015 quyết định về việc thoái toàn bộ vốn góp tại dự án Thăm dò khai thác và chế biến quặng Mangan tại Minh Quang, Huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.
- Khoản vốn đầu tư này sẽ được thu hồi dần trong thời gian 2 năm theo Biên bản cuộc họp về việc rút vốn đầu tư ngày 05/07/2015.
- Tại thời điểm 30/06/2016, số vốn còn phải thu hồi là 10.000.000.000 VND.
- (2) Góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần liên doanh SANA WMT và Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong ký ngày 26/04/2013 để tiến hành Dự án đầu tư nhà xưởng cho thuê và kho tàng bến bãi, nhà máy cán thép & Inox.
- Bên nhận góp vốn: Công ty TNHH SX NTK Tấn Phong
  - Địa chỉ: Số 48 Bàu Cát, Phường 14, Q.Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
  - Tổng số vốn dự kiến đầu tư : 45.000.000.000 VND
  - Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT góp 44,4% tương đương với 20.000.000.000 VND
  - Hiện tại đã góp đủ số vốn theo cam kết.
  - Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lãi trước thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**

Xóm Tiều, Xã Đại Yên, Huyện Chương Mỹ,

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày

30 tháng 06 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN**

- (3) Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/VRS-WMT giữa Công ty Cổ phần liên doanh SANA WMT và Công ty CP Kỹ nghệ Việt Nga ký ngày 02/08/2015 nhằm sản xuất và phát triển thị trường sơn nước để cùng tìm kiếm lợi nhuận.

- Bên nhận góp vốn: Công ty CP Kỹ nghệ Việt Nga

- Địa chỉ: số 45B, ngõ 162, phố Đội Cấn, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

- Tổng số vốn dự kiến đầu tư: 20.000.000.000 VND

- Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT góp 50% tương đương với 10.000.000.000 VND, hiện tại đã góp đủ 10.000.000.000 VND.

- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế TNDN và sau trích lập các quỹ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

- (4) Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/SN-WMT giữa Công ty Cổ phần liên doanh SANA WMT và Công ty TNHH TM SANA ký ngày 15/09/2015 để tiến hành đầu tư Dự án đầu tư kinh doanh lĩnh vực dầu ăn, thực phẩm chức năng.

- Bên nhận góp vốn: Công ty TNHH TM SANA

- Địa chỉ: phòng 808, tầng 8, toà nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

- Tổng số vốn dự kiến đầu tư: 80.000.000.000 VND

- Công ty Cổ phần Liên doanh Sana WMT góp 50% tương đương với 40.000.000.000 VND, hiện tại đã góp 30.000.000.000 VND.

- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro: Kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế TNDN và sau trích lập các quỹ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn

**4. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.967.444.970	-	6.448.197.213	-
- Chi phí SX, KD dở dang	24.695.197	-	12.197.421	-
- Thành phẩm	634.288.975	-	745.106.045	-
- Hàng hóa	11.518.018.920	-	18.041.557.997	-
<b>Cộng</b>	<b>18.144.448.062</b>	<b>-</b>	<b>25.247.058.676</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí trả trước**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>20.327.319</b>	<b>-</b>
- Bao bì luân chuyển	20.327.319	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>70.485.089</b>	<b>70.667.755</b>
- Công cụ dụng cụ	70.485.089	70.667.755
<b>Cộng</b>	<b>90.812.408</b>	<b>70.667.755</b>

## 6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	3.235.050.357	4.352.395.576	2.994.965.459	57.955.692	10.640.367.084
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.235.050.357	4.352.395.576	2.994.965.459	57.955.692	10.640.367.084
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	1.280.588.784	4.352.395.576	945.086.380	57.955.692	6.636.026.432
Khấu hao trong kỳ	114.969.855	-	148.682.691	-	263.652.546
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.395.558.639	4.352.395.576	1.093.769.071	57.955.692	6.899.678.978
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	1.954.461.573	-	2.049.879.079	-	4.004.340.652
Tại ngày cuối kỳ	1.839.491.718	-	1.901.196.388	-	3.740.688.106

- Tổng nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại 30/06/2016 là: 4.486.093.262 đồng.

- Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố thế chấp tại 30/06/2016 là: 1.901.196.388 đồng.

## 7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Mua trong kỳ	210.000.000	210.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	210.000.000	210.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	41.250.000	41.250.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	41.250.000	41.250.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	168.750.000	168.750.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**

Xóm Tiều, Xã Đại Yên, Huyện Chương Mỹ,

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày

30 tháng 06 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu kỳ</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
- Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	-	-	4.391.677.009	4.391.677.009
- Công ty TNHH TM Sana	6.281.866.048	6.281.866.048	1.733.086.992	1.733.086.992
- Công ty TNHH TM và SX Chân Hưng	6.320.080.800	6.320.080.800	-	-
- Các nhà cung cấp khác	3.295.053.533	3.295.053.533	2.506.247.737	2.506.247.737
<b>Cộng</b>	<b>15.897.000.381</b>	<b>15.897.000.381</b>	<b>8.631.011.738</b>	<b>8.631.011.738</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Phải nộp đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Phải nộp cuối kỳ</b>
- Thuế giá trị gia tăng	190.162.564	74.390.488	189.468.760	75.084.292
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.875.927	-	-	27.875.927
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.759.913	305.243.675	209.270.290	103.733.298
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>225.798.404</b>	<b>382.634.163</b>	<b>401.739.050</b>	<b>206.693.517</b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Bảo hiểm xã hội	1.219.800	186.568.813
- Công ty TNHH TM Sana	1.080.976.693	1.144.035.641
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.050.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.132.196.493</b>	<b>1.330.604.454</b>

**PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**Vay và nợ thuế tài chính**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch (i)</i>	1.139.230.433	1.139.230.433	1.861.493.266	2.644.378.363	1.922.115.530	1.922.115.530
<i>Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long (ii)</i>	939.705.025	939.705.025	1.861.493.266	2.379.012.955	1.457.224.714	1.457.224.714
<i>Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đông Đa - PGD Kim Liên (iii)</i>	34.120.000	34.120.000		99.960.000	134.080.000	134.080.000
	165.405.408	165.405.408		165.405.408	330.810.816	330.810.816
<b>Vay dài hạn</b>						
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đông Đa - PGD Kim Liên (iii)</i>	253.624.042	253.624.042	-	-	253.624.042	253.624.042
	253.624.042	253.624.042	-	-	253.624.042	253.624.042
<b>Tổng</b>	<b>1.392.854.475</b>	<b>1.392.854.475</b>	<b>1.861.493.266</b>	<b>2.644.378.363</b>	<b>2.175.739.572</b>	<b>2.175.739.572</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch theo Hợp đồng số SME13094/HDCTD.SGD.NHNT ngày 12/6/2013, với mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất đổi với khế ước đầu tiên là 10,5%/năm, lãi suất cho vay được thay đổi theo từng khế ước nhận nợ.

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long theo Hợp đồng số LD11241000246 ký ngày 30/08/2011, với mục đích vay mua xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen Tiguan. Thời hạn vay 60 tháng.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo Hợp đồng số REF1422000024 ngày 11/08/2014 và Hợp đồng số REF1429300016 ngày 20/10/2014 với mục đích mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota và ô tô nhãn hiệu ISUZU D-MAX, lãi suất thể hiện trong khế ước nhận nợ. Thời hạn vay 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**12. Vốn chủ sở hữu**

**12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>				
Số dư đầu năm	100.000.000.000	471.231.466	2.203.358.709	102.674.590.175
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	1.386.848.120	1.386.848.120
Trích lập các quỹ	-	126.597.244	-	126.597.244
Thù lao HĐQT & BKS	-	-	(91.200.000)	(91.200.000)
Giảm do trích lập quỹ	-	-	(253.194.488)	(253.194.488)
Số dư cuối năm	100.000.000.000	597.828.710	3.245.812.341	103.843.641.051
<b>KỶ NÀY</b>				
Số dư đầu kỳ	100.000.000.000	597.828.710	3.245.812.341	103.843.641.051
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	1.020.974.701	1.020.974.701
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Số dư cuối kỳ	100.000.000.000	597.828.710	3.216.787.042	103.814.615.752

(\*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/2016/NQ-ĐHĐCĐ-ASA ngày 26/04/2016, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2015 với giá trị thực hiện là 1.050.000.000 đồng (1 cổ phiếu nhận cổ tức là 105 đồng).

**12.2. Cổ phiếu**

	<u>Cuối kỳ</u> Cổ phiếu	<u>Đầu kỳ</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
		<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	97.770.315.867	100.861.296.872
	Các khoản giảm trừ	<b>1.547.752</b>	-
	Hàng bán bị trả lại	1.547.752	-
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>97.768.768.115</b>	<b>100.861.296.872</b>
2.	Giá vốn hàng bán		
		<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ	95.249.005.099	99.162.015.894
	<b>Cộng</b>	<b>95.249.005.099</b>	<b>99.162.015.894</b>
3.	Doanh thu hoạt động tài chính		
		<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.659.288	1.491.388
	<b>Cộng</b>	<b>3.659.288</b>	<b>1.491.388</b>
4.	Chi phí tài chính		
		<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	Lãi tiền vay	87.073.204	111.722.874
	Chi phí tài chính khác	10.049.799	13.540.937
	<b>Cộng</b>	<b>97.123.003</b>	<b>125.263.811</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>387.590.069</b>	<b>150.802.186</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	93.897.058	42.000.000
- Chi phí dụng cụ bán hàng	994.116	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.719.891	29.100.090
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.512.632	23.066.577
- Chi phí bằng tiền khác	140.466.372	56.635.519
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>574.924.483</b>	<b>647.633.289</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	277.529.635	383.763.817
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	140.749.596	145.818.906
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.593.026	-
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	29.052.226	118.050.566

**6. Lợi nhuận khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>63.711.599</b>	<b>60.000.000</b>
Thu nhập cho thuê nhà xưởng	62.727.273	60.000.000
Thu nhập khác	984.326	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>201.277.972</b>	<b>-</b>
Các khoản tiền phạt thuế	200.000.000	-
Chi phí khác	1.277.972	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(137.566.373)</b>	<b>60.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận trước thuế	1.326.218.376	837.073.080
Điều chỉnh tăng	200.000.000	-
Các khoản phạt thuế	200.000.000	-
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>1.526.218.376</b>	<b>837.073.080</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>1.526.218.376</b>	<b>837.073.080</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>305.243.675</b>	<b>184.156.078</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.020.974.701	652.917.002
Các khoản điều chỉnh:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>102</b>	<b>65</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**

Xóm Tiều, Xã Đại Yên, Huyện Chương Mỹ,

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán

kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.727.851.545	2.171.356.806
Chi phí nhân công	592.523.736	552.887.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	304.902.546	267.353.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.504.874	115.573.635
Chi phí khác	203.345.312	106.499.029
<b>Cộng</b>	<b><u>3.027.128.013</u></b>	<b><u>3.213.670.871</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC***(Đơn vị tính: VND)***1. Thông tin về các bên liên quan***Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc*

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
- Thu nhập của thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	51.536.364	160.314.286
- Các khoản phúc lợi khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>51.536.364</u></b>	<b><u>160.314.286</u></b>

**2. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**2.1. Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.930.743.796	5.580.607.455
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.578.344.323	20.706.249.612
Đầu tư dài hạn	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>99.509.088.119</u></b>	<b><u>96.286.857.067</u></b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	1.392.854.475	2.175.739.572
Phải trả người bán và phải trả khác	18.029.196.874	9.961.616.192
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.422.051.349</u></b>	<b><u>12.137.355.764</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### 2.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

#### 2.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### 2.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

#### 2.3.3. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### 2.3.4. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối kỳ			
Các khoản vay	1.139.230.433	253.624.042	1.392.854.475
Phải trả người bán và phải trả khác	18.029.196.874	-	18.029.196.874
<b>Cộng</b>	<b>19.168.427.307</b>	<b>253.624.042</b>	<b>19.422.051.349</b>
Số dư đầu kỳ			
Các khoản vay	1.922.115.530	253.624.042	2.175.739.572
Phải trả người bán và phải trả khác	9.961.616.192	-	9.961.616.192
<b>Cộng</b>	<b>11.883.731.722</b>	<b>253.624.042</b>	<b>12.137.355.764</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.930.743.796	-	3.930.743.796
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.578.344.323	-	25.578.344.323
Đầu tư dài hạn	-	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.509.088.119</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>99.509.088.119</b>
Số dư đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.580.607.455	-	5.580.607.455
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.706.249.612	-	20.706.249.612
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.286.857.067</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>96.286.857.067</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

*Thông tin bộ phận chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, Công ty kinh doanh rất nhiều mặt hàng từ các sản phẩm inox, thép các loại, sản xuất dầu gội các loại, sản xuất nước tinh khiết, sản xuất rượu nên không thực hiện thuyết minh thông tin bộ phận chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT**

Xóm Tiều, Xã Đại Yên, Huyện Chương Mỹ,

TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán

kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty có hoạt động kinh doanh trên hai địa bàn chủ yếu là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

**DVT: VND**

	<b>Thành phố Hà Nội</b>	<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>Tổng cộng toàn Công ty</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	96.599.320.330	1.169.447.785	97.768.768.115
Khấu hao và chi phí phân bổ	(94.226.837.310)	(1.022.167.789)	(95.249.005.099)
Chi phí không phân bổ	-	-	(962.514.552)
Doanh thu tài chính	-	-	3.659.288
Chi phí tài chính	-	-	(97.123.003)
Thu nhập khác	-	-	63.711.599
Chi phí khác	-	-	(201.277.972)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	1.326.218.376
Chi phí thuế	-	-	(305.243.675)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	1.020.974.701
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận	121.888.100.365	1.931.371.883	123.819.472.248
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	123.819.472.248
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả bộ phận	19.031.433.004	973.423.492	20.004.856.496
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	20.004.856.496

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo soát xét tại thời điểm 30/06/2015 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty, đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Đan Thanh  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Ngày 05 tháng 08 năm 2016

Bùi Thị Kim Nhạn  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trinh  
 Người lập biểu